

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Long Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 18851/UBND-THKH ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện hồ sơ, thủ tục dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn của Công ty TNHH Long Sơn;

Xét Văn bản số 843/STNMT-BVMT ngày 24/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Long Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/Tr-STNMT ngày 02/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Long Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn của Công ty TNHH Long Sơn thực hiện tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (đề b/c);
- UBND p. Đông Sơn, TX Bỉm Sơn (đề giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn
tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn.
- Địa điểm thực hiện: Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Long Sơn.
- + Đại diện: Ông Trịnh Quang Hải - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Số 6, Đường Voi Phục, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi, quy mô: Dự án Trung tâm tiêu thụ xi măng Long Sơn được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích đất: 32.759,2 m² thuộc địa giới hành chính phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
- Quy mô dự án: Xây dựng gara sửa chữa ô tô, nhà trưng bày hình ảnh giới thiệu dây chuyền nhà máy sản xuất xi măng, nhà giới thiệu sản phẩm, nhà tiếp thị và bán hàng, nhà nghỉ ca cho công nhân viên, nhà để xe, bãi đỗ xe, sân thể thao và các hạng mục công trình phụ trợ khác.
- Loại hình kinh doanh dự án: Trung tâm tiêu thụ xi măng (trưng bày hình ảnh giới thiệu dây chuyền sản xuất nhà máy xi măng, giới thiệu sản phẩm, tiếp thị và bán hàng).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình:
 - + Các hạng mục công trình chính: 01 Gara sửa chữa ô tô (diện tích 1.350,0 m²); 01 Nhà giới thiệu sản phẩm xi măng - nhà tiếp thị và bán hàng, nhà nghỉ cho công nhân viên (diện tích xây dựng 443,17 m², quy mô tầng cao: 2 tầng); 01 nhà trưng bày hình ảnh giới thiệu dây chuyền sản xuất (diện tích xây dựng 4.574,2 m², quy mô tầng cao: 01 tầng).
 - + Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà để xe, bãi đỗ xe, sân thể thao, cầu rửa xe, khu đậu xe tải và xe con, sân bê tông, hạng mục cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...
 - + Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải, bể xử lý nước thải tập trung (công suất: 30 m³/ngày đêm); nhà rác,...
- Hoạt động của dự án:
 - + Xây dựng các công trình phục vụ Dự án;
 - + Vận hành Dự án: Trưng bày hình ảnh giới thiệu dây chuyền sản xuất

nhà máy xi măng, giới thiệu sản phẩm, tiếp thị và bán hàng.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát quang thực vật, san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động trưng bày, giới thiệu, tiếp thị và bán hàng các sản phẩm xi măng; hoạt động của gara sửa chữa xe ô tô; hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên, khách giao dịch tại dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc thi công.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công; chất thải rắn phát quang; đất bóc phong hóa, đất đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải từ quá trình thi công xây dựng.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung và các sự cố môi trường: cháy nổ, ngập lụt, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố từ hoạt động khai thác sử dụng nước dưới đất tại dự án...

3.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh trong khoảng 2,24 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 26,6 kg/ngày trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:
- + Khối lượng đất đào bóc phong hóa: 745,85 m³, tương ứng 1.044,19 tấn;
- + Khối lượng chất thải rắn từ sinh khối thực vật phát quang: 13,2 tấn;
- + Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá 201,31 tấn; mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha, bao bì xi măng các loại: 9,74 tấn.

3.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 78,0 kg/quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải.

- Chất thải lỏng nguy hại khoảng 142 lít/quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước mưa chảy tràn, nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại dự án, nước thải từ quá trình rửa xe từ hoạt động của Gara ô tô.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện... thông số ô nhiễm đặc trưng của bụi, khí thải gồm: CO, NO₂, SO₂,...

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án và khách giao dịch tại dự án; chất thải rắn từ hoạt động giới thiệu, trưng bày sản phẩm, tiếp thị và bán hàng tại dự án.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên, khách vãng lai; quá trình bảo dưỡng thiết bị máy móc, hoạt động tại Gara ô tô tại dự án.

- Tác động do tiếng ồn phát ra từ động cơ và do sự rung động của các bộ phận xe, máy móc, tiếng ồn từ ống xả, ống khói, tiếng ồn do đóng cửa xe, còi xe, tiếng rít phanh.

3.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, khách giao dịch tại dự án có lưu lượng khoảng 23,0 m³/ngày đêm (nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo 11,5 m³/ngày đêm; nước thải nhà vệ sinh: 11,5 m³/ngày đêm). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải từ hoạt động rửa xe tại Gara ô tô ngày lớn nhất khoảng 20 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện... thông số ô nhiễm đặc trưng của bụi, khí thải gồm: CO, NO₂, SO₂,...

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án và khách vãng lai tới giao dịch tại dự án có khối lượng là 220,0 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động kinh doanh, trưng bày tại dự án khoảng 10 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thùng giấy, túi nilong, dây buộc,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh Gara ô tô tại dự án khoảng 5kg/ngày. Thành phần chủ yếu: bao bì đựng thiết bị phụ tùng, dụng cụ, túi nilong,...

3.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị, máy móc và từ hoạt động sinh hoạt phục vụ vận hành Dự án.

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại có khối lượng khoảng 215 kg/tháng. Thành phần bao gồm: pin, bóng đèn huỳnh quang hỏng, chất thải có chứa các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ, vải lọc dầu tại bể tách dầu mỡ nước thải rửa xe), ắc quy chì thải, bộ lọc dầu hỏng,...

- Khối lượng chất thải lỏng nguy hại có khối lượng khoảng 100 lít/tháng. Thành phần bao gồm: dầu thải từ quá trình bảo dưỡng thiết bị kỹ thuật, bảo dưỡng xe; dầu thải thu gom được từ hoạt động rửa xe,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt được thu gom về 01 hố lắng thể tích 3,0 m³ (kích thước 3,0m x 1,0m x 1,0m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom, xử lý; nước thải sau hố lắng được tái sử dụng tưới đường chống bụi tại khu vực công trường thi công xây dựng.

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom về 03 nhà vệ sinh di động (thể tích ngăn chứa chất rắn: 0,5 m³/nhà) để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom, lắng tại 01 hố lắng thể tích 3 m³/hố (kích thước 2,0m x 1,5m x 1,0m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm); nước thải sau hố lắng được tái sử dụng tưới đường chống bụi tại khu vực công trường thi công xây dựng.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt khu vực đi qua dân cư trên tuyến đường Phạm Hùng, tuyến đường

hướng đi từ xã Hà Vinh vào nhà máy xi măng Long Sơn (gần khu vực dự án) và tuyến đường liên xã; nước dùng để làm ẩm được lấy từ kênh mương của khu vực gần dự án.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu phải quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ,...

- Lắp dựng rào tôn dài 370m, cao 2,0m vây xung quanh toàn bộ khu vực diễn ra hoạt động thi công xây dựng của dự án.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 4 thùng đựng rác 60 lit/thùng tại khu lán trại và tiến hành thu gom, quét dọn hàng ngày sau giờ làm việc và 01 xe đẩy tay có dung tích chứa 0,5 m³ để thu gom rác thải tập trung; hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng chất thải rắn từ sinh khối thực vật phát quang được người dân thu hoạch; phần không sử dụng được hợp đồng với tổ thu gom rác sinh hoạt tại địa phương vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Khối lượng đất đào bóc phong hóa được chủ dự án tận dụng toàn bộ trồng cây và đắp tôn nền khu vực khuôn viên cây xanh dự án.

- Lượng chất thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (gồm: cát, đá, bê tông rơi vãi) được thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng san nền tại chỗ.

- Các loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 06 thùng chứa (dung tích 120 lít/thùng chứa chất thải lỏng nguy hại; 02 thùng chứa (thể tích 100 lít/thùng) chứa chất thải rắn nguy hại, các thùng được dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ theo đúng quy định tại khu vực lán trại.

- Kết thúc quá trình thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời gần các khu dân cư;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

** Nước mưa chảy tràn:*

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

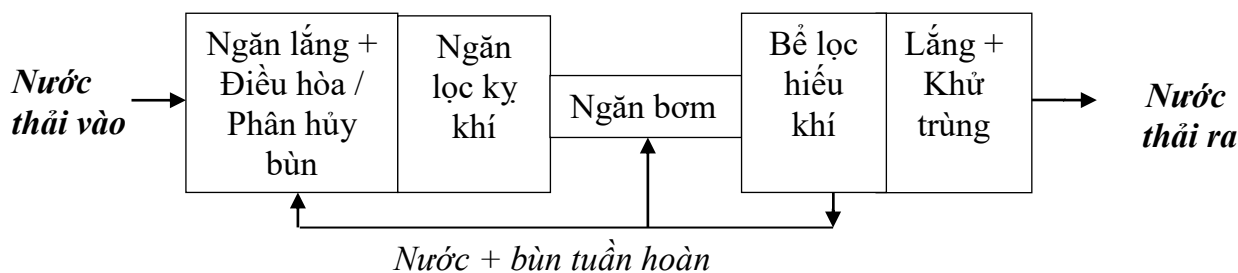
- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống mương thoát nước mưa B1000, qua các hố gas để lắng cặn, chảy ra thoát ra Mương thoát nước của khu vực dọc tuyến đường ở phía Nam dự án.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Gara ô tô: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa ô tô diễn ra trong nhà có mái che; nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom vào hệ thống mương thoát nước mưa B1000 của dự án, qua các hố gas để lắng cặn, chảy ra thoát ra mương thoát nước của khu vực dọc tuyến đường ở phía Nam dự án.

** Nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và khách giao dịch tại dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, hố ga lắng cặn; sau đó, được dẫn về Bể Bastafat-F hợp khối bằng vật liệu Composite công suất 30m³/ngày.đêm để xử lý trước khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực dọc tuyến đường giao thông phía Nam dự án, sau đó thoát ra sông Tam Điệp.

- Công nghệ xử lý nước thải của Bể Bastafat-F hợp khối bằng vật liệu Composite công suất 30m³/ngày.đêm:



- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra tuyến mương phía Nam dự án dọc tuyến đường phía Nam của dự án → thoát ra sông Tam Điệp.

* *Nước thải rửa xe từ hoạt động của Gara ô tô:*

- Nước thải rửa xe từ hoạt động của Gara ô tô được xử lý bằng bể tách dầu mỡ có kết cấu bằng BTCT, nắp đậy BTCT với dung tích khoảng 27 m³ (kích thước BxLxH=6,5x2,14x1,95m) gồm 01 ngăn tách dầu và 02 ngăn lắng, sử dụng vải tách dầu để tách dầu mỡ và lắng cặn, đảm bảo thời gian lưu nước tại bể từ 2-3h trước khi thoát vào mương thoát nước chung của khu vực dọc tuyến đường giao thông phía Nam dự án, sau đó thoát ra sông Tam Điệp.

Bùn cặn được vớt định kỳ với tần suất 1 tuần/lần; thay thế vải tách dầu với tần suất 3 tháng/lần. Chất thải phát sinh được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại đảm bảo đúng quy định.

+ Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Định kỳ vạo vét bùn, khơi thông mương thoát nước mưa tại dự án tần suất 3 tháng/lần.

4.2.2. *Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:*

- Thiết kế và đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng quy hoạch, đặc biệt, trồng cây xanh xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải và khu tập kết rác thải.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng bê tông, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- Thường xuyên vệ sinh khu sân bãi, khu vực tập kết chất thải trong phạm vi của dự án.

- Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường khu dự án trong những ngày hanh nóng. Tần suất phun 4 lần/ngày trong những ngày thời tiết nắng nóng.

- Rác thải phát sinh được thu gom, phân loại tại nguồn sau đó thuê đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định với tần suất 1 ngày/lần.

4.2.3. *Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 4 thùng đựng rác loại 50 lít/thùng, có nắp

đậy tại sân đường nội bộ, 20 thùng đựng rác loại 5-10 lít/thùng, có nắp đậy tại khu vực văn phòng nhà giới thiệu sản phẩm, nhà trưng bày hình ảnh, nhà ăn và căng tin, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh. Hàng ngày, rác thải được tập kết vào 3 thùng rác (loại 120 lít/ thùng) có nắp đậy và có bánh xe đặt trong ngăn chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 15 m²; định kỳ 1 lần/ngày, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải từ hoạt động hoạt động trưng bày, tiếp thị bán hàng, hoạt động của Gara ô tô của Dự án:

+ Các loại chất thải rắn như bìa catton, túi nilong, bao bì đựng các thiết bị phụ tùng, dụng cụ hư hỏng trong khu vực gara ô tô... được thu gom hàng ngày vào 02 thùng rác (loại 120 lít/ thùng) có nắp đậy và có bánh xe đặt trong kho chứa chất thải thông thường có diện tích 100 m²; bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Các loại chất thải còn lại được thu gom, xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Trang bị 12 thùng chứa (dung tích 50 lít/thùng; 120 lít/thùng) để chứa chất thải rắn, lỏng nguy hại; các thùng được dán nhãn mác, có nắp đậy được lưu giữ trong ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 50 m².

- Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn ào khó chịu.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, thủy lợi, tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.